

Số: 333 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 04 tháng 5 năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là Quyết định số 534/QĐ-TTg), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và Quyết định số 534/QĐ-TTg; cụ thể hóa thành nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, rõ trách nhiệm, tiến độ, kết quả; bảo đảm thực chất, tránh hình thức, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Chấn chỉnh lề lối làm việc, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành theo hướng khoa học, sát thực tiễn; nâng cao chất lượng hoạt động, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tinh gọn, giảm hội nghị, nâng cao chất lượng văn bản;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường xử lý công việc trên môi trường điện tử; phát huy trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao chất lượng phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả.

#### 2. Yêu cầu

- Triển khai bám sát Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư và Quyết định số 534/QĐ-TTg; cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ thành nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trên toàn tỉnh. Phần đầu đạt các chỉ tiêu năm 2026: giảm tối thiểu 10% số hội nghị; hội nghị trực tuyến  $\geq 60\%$ , trực tiếp  $\leq 40\%$ ; xử lý thủ tục hành chính trên môi trường số và số hóa văn bản  $\geq 95\%$ ; kiểm soát chặt số lượng hội nghị theo quy định;

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, gắn với Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính

nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 và các chương trình, đề án về cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo đảm phù hợp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện, gắn với Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, hiệu quả.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản**

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

Khẩn trương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các văn bản nêu trên đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong các cấp, các ngành, góp phần chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị;

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An; Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung Kết luận số 226-KL/TW, Quyết định số 534/QĐ-TTg và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

### **2. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu**

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt sâu sắc, đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 226-KL/TW; trực tiếp chịu trách nhiệm về kết quả tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, đưa nội dung chấn chỉnh lề lối làm việc vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; lồng ghép các nội dung về lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn hằng năm, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

### **3. Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản**

a) Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát văn bản trên địa bàn tỉnh; tổ chức thẩm định dự thảo văn bản, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ và khả thi trước khi ban hành; chủ trì rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời kiến nghị xử lý các văn bản chồng chéo,

mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp; tăng cường kiểm tra văn bản theo thẩm quyền và hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan, địa phương; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

b) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Thực hiện nghiêm quy trình xây dựng, ban hành văn bản theo đúng quy định; tổ chức đầy đủ các bước xây dựng, thẩm định, ban hành; bảo đảm nội dung có chất lượng, đúng thẩm quyền, đúng thể thức, kỹ thuật trình bày và tiến độ theo yêu cầu;

- Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc phạm vi quản lý; kịp thời tham mưu bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản không còn phù hợp; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hạn chế chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống văn bản;

- Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo; tăng cường kiểm soát nội dung trong quá trình xây dựng văn bản; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trước khi ban hành.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thực hiện nghiêm quy trình xây dựng, ban hành văn bản hành chính theo đúng quy định; bảo đảm nội dung chặt chẽ, đúng thẩm quyền, đúng thể thức và kỹ thuật trình bày; tuân thủ đầy đủ thời hạn ban hành, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành;

- Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản không còn phù hợp; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định của cấp trên và tình hình thực tiễn tại địa phương.

#### **4. Đổi mới mạnh mẽ chế độ hội họp**

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ họp trong Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân, đảm bảo phù hợp với yêu cầu trong Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg;

- Xây dựng lịch họp khoa học, hợp lý, tránh trùng lặp, ưu tiên các cuộc họp trực tuyến, họp không giấy tờ. Kiểm soát chặt chẽ thành phần, thời gian nội dung các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác hội họp theo hướng giảm số lượng, nâng cao chất lượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí thời gian và nguồn lực; chỉ tổ chức họp khi thật sự cần thiết, nội dung họp phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, rõ trọng tâm, tập trung vào các vấn đề cần chỉ đạo, điều hành; đồng thời kiểm soát chặt chẽ thành phần, nội dung và thời gian các

cuộc họp, bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần, đúng thời gian, hạn chế tối đa việc mở rộng không cần thiết và phát sinh nhiều tầng nấc hội họp;

- Đẩy mạnh tổ chức họp trực tuyến, họp không giấy tờ gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành; từng bước hiện đại hóa phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả xử lý công việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Thực hiện nghiêm quy định về thời gian tổ chức hội nghị, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí; trong đó hội nghị quán triệt, triển khai không quá 1/2 ngày, hội nghị chuyên môn, nghiệp vụ không quá 01 ngày, các hội nghị quan trọng cần thảo luận không quá 1,5 ngày. Đổi mới phương thức điều hành cuộc họp: không đọc lại báo cáo, dành thời gian để thảo luận, giải quyết vấn đề.

### **5. Đổi mới phương thức làm việc, đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin**

#### **a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Chủ động rà soát, hoàn thiện quy định, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng “một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính”;

- Thực hiện nghiêm túc quy định của Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

- Phấn đấu thực hiện việc xử lý thủ tục hành chính trên môi trường số và số hóa văn bản đạt 95% trở lên; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính;

#### **b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP; đồng thời rà soát, chuẩn hóa và công bố chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh theo quy định;

- Phối hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

#### **c) Sở Khoa học và Công nghệ**

- Tiếp tục hoàn thiện và phát huy hiệu quả trực liên thông văn bản của tỉnh, đảm bảo kết nối thông suốt với trực liên thông văn bản quốc gia. Bảo đảm 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định (trừ văn bản mật); duy trì, bắt buộc gửi, nhận văn bản điện tử, họp trực tuyến và xử lý công việc trên môi trường mạng, ứng dụng nền tảng số.

## **6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính**

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc của cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; lấy kết quả thực hiện đổi mới, lề lối làm việc là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân;

- Nghiên cứu bổ sung tiêu chí về kết quả triển khai Kết luận số 226-KL/TW vào quy định đánh giá, xếp loại người đứng đầu cơ quan, đơn vị và tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm.

b) Thanh tra tỉnh

Tăng cường công tác thanh tra theo kế hoạch và đột xuất; tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, dư luận xã hội quan tâm; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý nghiêm các sai phạm, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

c) Sở Nội vụ

Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, bảo đảm hàng năm kiểm tra từ 20% đến 30% số cơ quan, đơn vị; đồng thời đẩy mạnh kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, qua đó kịp thời chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, bảo đảm đúng quy định và phù hợp khả năng cân đối ngân sách của từng cấp, từng ngành.

2. Thực hiện lồng ghép kinh phí trong các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, chuyển đổi số và các chương trình có liên quan đang triển khai trên địa bàn tỉnh, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh trùng lặp, dàn trải. Đồng thời, huy động và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có), nhằm tăng cường nguồn lực phục vụ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Căn cứ Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương; hoàn thành trước ngày 05/5/2026;

- Định kỳ 06 tháng (trước ngày 05 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 05 tháng 12) gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc các quy định về giảm văn bản, giảm hội họp, tăng cường họp trực tuyến và xử lý công việc trên môi trường mạng.

## 2. Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định; kịp thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện;

- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và chế tài xử lý đối với các trường hợp không thực hiện nghiêm túc Kế hoạch.

## 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc./.

### Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- BTV Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KSTT (V). *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Thanh An**



**Phụ lục**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

(Kèm theo Kế hoạch số 333 /KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

| TT | Nhiệm vụ  | Cơ quan   |  | Thời gian                     | Sản phẩm   |
|----|---|---|--|-------------------------------|--|
|    |   | Chủ trì   | Phối hợp   |                               |  |
| 1. | Xây dựng kế hoạch triển khai tại cơ quan, đơn vị  | Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường | Sở Nội vụ  | 05/5/2026                     | Kế hoạch   |
| 2. | Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật   | Sở Tư pháp  | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường    | Thường xuyên                  | Báo cáo  |
| 3. | Thực hiện cắt giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính do cơ quan, địa phương ban hành so với trước | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường |  | Hàng năm                      | Số lượng văn bản hành chính giảm ít nhất 15% mỗi năm; báo cáo kết quả về Sở Nội vụ |
| 4. | Tăng cường thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện lễ lới làm việc                           | Thanh tra tỉnh  | Các sở, ban ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường | Thường xuyên                  | Kế hoạch   |
| 5. | Thực hiện cắt giảm tối thiểu 10% số lượng hội nghị, cuộc  | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường            |  | Hàng năm, bắt đầu từ năm 2026 | 10% số lượng hội nghị, cuộc họp; tỷ lệ hội nghị trực tuyến đạt từ 60% trở lên      |

| TT  | Nhiệm vụ   | Cơ quan   |  | Thời gian     | Sản phẩm  |
|-----|--|---|--|---------------|---|
|     |  | Chủ trì   | Phối hợp   |               |   |
|     | hợp; đồng thời tăng tỷ lệ hội nghị trực tuyến đạt từ 60% trở lên   |   |  |               |   |
| 6.  | Nâng cấp, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống họp trực tuyến toàn tỉnh, bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, ổn định         | Sở Khoa học và Công nghệ                                | - Sở Tài chính; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh<br>- Ủy ban nhân dân các xã, phường | 2026-2027     | Hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh được nâng cấp đồng bộ.                                  |
| 7.  | Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường | Sở Nội vụ  | Theo quy định | Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các cơ quan được điều chỉnh, hoàn thiện |
| 8.  | Đánh giá thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh   | Sở Nội vụ   | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường                            | Quý IV/2026   | Báo cáo của Sở Nội vụ   |
| 9.  | Thực hiện tham mưu phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước                                       | Sở, ban, ngành cấp tỉnh                                 | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường                            | Thường xuyên  | Báo cáo của Sở, ban, ngành  |
| 10. | Đề xuất hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp  | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường | Sở Nội vụ  | Thường xuyên  | Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương   |

| TT  | Nhiệm vụ   | Cơ quan   |  | Thời gian    | Sản phẩm   |
|-----|--|---|--|--------------|--|
|     |  | Chủ trì   | Phối hợp   |              |  |
| 11. | Tăng cường kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính                                   | Sở Nội vụ   | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>- Ủy ban nhân dân các xã, phường | Thường xuyên | Thông báo kết luận kiểm tra theo từng đơn vị   |
| 12. | Thực hiện xử lý thủ tục hành chính trên môi trường số và số hóa văn bản đạt từ 95% trở lên                       | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường                                 | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ       | Thường xuyên | Dữ liệu kết quả được trích xuất từ các Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ, của tỉnh                             |
| 13. | Tiếp tục tham mưu triển khai, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh                                 | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh  | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường        | Hàng năm     | Hoạt động khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh   |
| 14. | Tham mưu công bố, thực hiện thiết lập chế độ báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh                | Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                 | Hàng năm     | Các chế độ báo cáo định kỳ được Chủ tịch UBND tỉnh công bố và được thiết lập, thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An |
| 15. | Định hướng nội dung bồi dưỡng kỹ năng số và kỹ năng lãnh đạo quản lý môi trường số cho đội ngũ cán bộ, công chức | Sở Khoa học và Công nghệ  | Sở Nội vụ  | Thường xuyên | Các chương trình tập huấn, bồi dưỡng   |
| 16. | Bổ sung kết quả triển khai Kết luận 226-KL/TW vào Báo cáo  | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban   | Sở Nội vụ  | Năm 2026     | Báo cáo có thể hiện đánh giá thực hiện Kết luận 226-KL/TW  |

| TT  | Nhiệm vụ  | Cơ quan                         |   | Thời gian         | Sản phẩm   |
|-----|---|---------------------------------|---|-------------------|--|
|     |   | Chủ trì                         | Phối hợp  |                   |  |
|     | đánh giá, xếp loại người đứng đầu các cơ quan, đơn vị   | nhân dân các xã, phường         |   |                   |  |
| 17. | Theo dõi, đôn đốc và định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai  | Sở Nội vụ                       | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường   | Định kỳ, hằng năm | Báo cáo kết quả  |
| 18. | Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung, kết quả triển khai thực hiện Kết luận 226-KL/TW và Kế hoạch này | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Công thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị | Thường xuyên      | Tin bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền.... |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN